TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X THÀNH PHỐ Y	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 512/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2018
V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thân

2. Ông Lâm Huỳnh Đệ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Y tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 271/2018/TLST- HNGĐ ng□y 16 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm: 1982; địa chỉ: 79/48A9 T, Phường M, Quận S, Thành phố Y; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: 37H đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Y; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/5/2018, Bản tự khai ngày 31/5/2018, các Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 12/7/2018 và ngày 14/8/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Q trình bày:*

Bà Q và ông Phan Văn H là vợ chồng hợp pháp chung sống từ năm 2012 có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 28/2012, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh A cấp ngày 16/02/2012.

Vợ chồng chung sống được 02 con chung tên Phan Thanh T (nam), sinh ngày 06/6/2006 và Phan Nguyễn H1 (nam), sinh ngày 19/02/2015.

Khoảng 03 năm đầu chung sống, vợ chồng rất hòa hợp, thương yêu và san sẻ cuộc sống với nhau. Nhưng sau đó, ông H bắt đầu lao vào những cuộc ăn chơi, cờ bạc, rượu chè…, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Mọi việc đều do Bà Q làm lụng, vun vén. Sau khi Bà Q sinh đứa con thứ hai, bà hy vọng sẽ hàn gắn được hạnh phúc gia đình nhưng ông H vẫn không thay đổi, thậm chí còn có những hành vi bạo lực gia đình, ông suốt ngày ở ngoài đường và dần dần không chung sống với mẹ con bà từ năm 2015 đến nay. Bà xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cả hai không liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với ông H để cả hai sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Các con chung là Phan Thanh T (nam), sinh ngày 06/6/2006 và Phan Nguyễn H1 (nam), sinh ngày 19/02/2015, Bà Q yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngày X/7/2018 bà Thu Q có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà và yêu cầu Tòa án bảo lưu các ý kiến của bà theo như các Biên bản bà đã trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án.

* *Về phía bị đơn ông Phan Văn H*: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 01, Quận X, TP.Hồ Chí Minh ngày 01/6/2018: "Ông Phan Văn H, sinh năm 1985 có đăng ký lưu trú tại số 37H P, Phường M, Quận X, Thành phố Y".

Tại thời điểm Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, ông Phan Văn H vẫn đang cư trú tại Quận X nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông H vẫn không có mặt dù Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho bị đơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa thông báo cụ thể thời gian và địa điểm mở phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau : " Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng* :

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Thu Q và ông Phan Văn H chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà Q xin ly hôn với ông H, bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại Quận X nên Tòa án nhân dân Quận X thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Phan Văn H nhưng bị đơn ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do, ngày X/7/2018 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

* Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã 3 năm nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H yêu cầu có mặt để hòa giải nhưng ông H vẫn vắng mặt xem như không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của Bà Q và cũng không có thiện chí hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định: "Nếu có căn cứ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn". Căn cứ vào những chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với ông Phan Văn H.

* Về con chung: Xét 02 con chung là trẻ Phan Thanh T (nam), sinh ngày 06/6/2006 và Phan Nguyễn H1 (nam), sinh ngày 19/02/2015 hiện đang được Bà Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và nêu rõ nội dung Bà Q yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H đã biết được yêu cầu của Bà Q nhưng vẫn không có ý kiến xem như không phản đối yêu cầu trên. Để đảm bảo mọi mặt tốt nhất cho các con chung xét thấy cần giao 02 con chung là trẻ Phan Thanh T (nam), sinh ngày 06/6/2006 và Phan Nguyễn H1 (nam), sinh ngày 19/02/2015 cho bà Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu Q không yêu cầu ông Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung : Không có.

[3] *Về án phí:*

-Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu Q phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ;

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Q.

Bà Nguyễn Thị Thu Q được ly hôn với ông Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là trẻ Phan Thanh T (nam), sinh ngày 06/6/2006 và Phan Nguyễn H1 (nam), sinh ngày 19/02/2015 cho bà Nguyễn Thị Thu Q trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu Q không yêu cầu ông Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thu Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2014/0008706 ngày 14/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Y. Bà Q đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu Q và ông Phan Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mỹ Duyên